TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC NINH	**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2020/DS- PT	
Ngày 18/6/2020	
V/v: T/c hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Lương Đức Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/TLPT- DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 26/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2020/QĐ- PT ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Khu B, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Thế T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1968 (có mặt)

Chị Đặng Thị M, sinh năm 1971(có mặt)

Cùng HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 31/01/2017, chị cho vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đặng Thị M vay số tiền 50.000.000đ. Khi cho vay giữa hai bên có làm hợp đồng vay tiền kiêm nhận nợ, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 31/01/2017 đến 01/3/2017, lãi suất gấp đôi theo ngân hàng cùng thời điểm. Đồng thời hai bên còn thỏa thuận phạt chậm trả do vi phạm hợp đồng với mức

300.000đ/ngày và phải bồi thường thiệt hại cho bên cho vay toàn bộ chi phí liên quan đến việc đi lại, khởi kiện. Anh T, chị M đã ký vào hợp đồng vay tiền kiêm nhận nợ. Đến thời hạn trả nợ chị đã đòi nhiều lần nhưng anh T, chị M vẫn không trả nên chị khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án buộc anh T, chị M phải trả cho chị số tiền vay. Chị đề nghị Tòa án áp dụng Điều 418 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc anh T, chị M trả cho chị toàn bộ tiền phạt do vi phạm hợp đồng tính từ ngày 02/3/2017 đến ngày 12/3/2019 là 740 ngày x 300.000đ/ngày = 222.000.000đ và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 419 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc anh T, chị M phải trả 60.000.000đ trong đó có 30.000.000đ là tiền thuê anh T là đại diện theo ủy quyền và 30.000.000đ chi phí cho việc đi lại khởi kiện. Tổng số tiền chị yêu cầu anh T, chị M phải trả cho chị là 332.000.000đ.

Các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho các yêu cầu trên là hợp đồng vay tiền kiêm nhận nợ, hợp đồng ủy quyền ngày 05/03/2019 và bản kê khai chi tiết việc đi lại để đòi tiền cũng như khởi kiện tại Tòa án; tổng số 24 lần chị đi lại từ Hạ Hòa, Phú Thọ về Tòa án G và đi từ Tòa án G về Hạ Hòa, Phú Thọ. Những lần đi lại chị đều nhờ anh T đưa, đón chị phải trả chi phí là 1.500.000 đồng/1 lần đi lại (cụ thể: 24 lần x 1.500.000 đồng/1 lần = 36.000.000đ; 24 lần đi lại nêu trên, mỗi lần đi lại và cộng thời gian làm việc hết 16 tiếng = 2 ngày làm việc, cụ thể: 24 x 2 ngày làm việc/1 lần = 48 ngày x 400.000đ/ngày = 19.200.000đ). Tổng chi phí thiệt hại do phải đi lại trong việc khiếu kiện vụ án này đến nay là: 36.000.000đ + 19.200.000đ = 55.200.000đ và còn rất nhiều lần khác chị về Tòa án G hỏi về việc đơn khởi kiện của chị.

Bị đơn cho rằng chị cho vay lãi ngày năm 2015 và đã trả đươc 90.000.000đ là không đúng. Số tiền chị cho bị đơn vay là tiền của riêng không liên quan đến anh T. Anh T chỉ là người chứng kiến việc giao nhận tiền giữa hai bên và viết hộ giấy vay tiền.

Người đại diện theo ủy quyền của chị S là anh Đinh Thế Tiệp trình bày: anh nhất trí với lời trình bày của chị S. Số tiền chị S cho bị đơn vay là tiền của chị S không liên quan đến anh. Việc bị đơn trình bày có trả tiền gốc và lãi cho anh và chị S là không đúng. Anh chỉ là người viết hộ hợp đồng vay tiền kiêm nhận nợ và chứng kiến việc giao nhận tiền giữa chị S và anh T, chị M. Nay anh yêu cầu bị đơn trả chị S hai khoản tiền:

- Thứ nhất: Số tiền 110.000.000đ, trong đó 50.000.000đ là tiền chị S cho vợ chồng anh T, chị M vay, 30.000.000đ là tiền chị S trả thù lao cho anh khi anh nhận làm người đại diện theo ủy quyền của chị S và 30.000.000đ là tiền công và chi phí đi lại như chị S đã trình bày.

- Thứ hai: Số tiền 222.000.000đ là khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tại Điều 6 của hợp đồng vay tiền giữa chị S và anh T, chị M quy định: "Nếu hết ngày 01/3/2017 bên B không trả toàn bộ số tiền đã vay ghi tại Điều 5 của hợp đồng thì từ ngày 02/3/2017 bên B phải chịu phạt chậm trả cho bên A là 300.000đ/ngày, ben B

phải trả tiền phạt chậm trả cho bên A đến khi nào bên B thực hiện xong toàn bộ nội dung của hợp đồng này".

Tại phiên tòa anh T giảm một phần yêu cầu của số tiền phạt, anh chỉ yêu cầu bị đơn trả cho chị S số tiền phạt là 150.000.000đ. Trước đây chị S có yêu cầu bị đơn trả bồi thường thiệt hại về tinh thần nay anh xin rút yêu cầu này.

Đối với số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp thay chị S anh không yêu cầu chị S phải trả lại cho anh. Nếu chị S phải chịu án phí hay được trả lại tiền này anh đề nghị trả cho chị S. Đối với số tiền lãi 01 tháng ghi trong hợp đồng anh không đề nghị giải quyết. Anh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn anh Đinh Văn T trình bày: Vợ chồng anh đang tạm trú tại số 22, ngõ 3, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Anh đồng ý giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện G.

Năm 2015 anh không nhớ ngày tháng năm vợ chồng anh có vay của anh T, chị S số tiền 20.000.000đ, khoảng 02 tháng sau anh có vay tiếp 30.000.000đ, tổng cộng là 50.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Sau khi vay đến năm 2017, vợ chồng anh đã trả cả gốc và lãi là 90.000.000đ. Hai khoản vay này có giấy biên nhận nhưng anh T giữ do đó anh không xuất trình được. Cũng trong năm 2017 do làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh có thỏa thuận với anh T, chị S vợ chồng anh sẽ trả anh T, chị S 50.000.000đ nữa là hết. Ngày 31/01/2017, tại nhà anh, anh T và chị S đồng ý cho vợ chồng anh trả dần, anh T là người viết giấy vay tiền với nội dung vợ chồng anh có vay của chị S số tiền 50.000.000đ nhưng trên thực tế không có việc giao nhận tiền. Nay chị S khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả chị S số tiền 332.000.000đ thì anh đồng ý trả chị S 50.000.000đ và xin trả dần, còn lại các khoản khác anh không đồng ý trả.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ điều 147, 161, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 418, 463, 464, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là: Buộc anh Đinh Văn T và chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền vay là 50 triệu đồng và trả cho chị S số tiền phạt do chậm trả số tiền là 20.239.000đ, tổng cộng là 70.239.000đ.

Bác yêu cầu của chị S đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và bác một phần yêu cầu đòi số tiền phạt chậm trả. Tổng cộng số tiền bị bác yêu cầu không được chấp nhận là 189.761.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2020, chị Nguyễn Thị S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị S và sửa án sơ thẩm. Buộc anh Đinh Văn T, chị Đặng Thị M phải trả cho chị Nguyễn Thị S: 50.000.000đ tiền vay, 20.239.000đ tiền phạt và 30.000.000đ chi phí khởi kiện và ủy quyền, tổng cộng là 100.239.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy:

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị S nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Ngày 31/01/2017, giữa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị S) và bị đơn (anh Đinh Văn T, chị Đặng Thị M) có ký với nhau một hợp đồng vay tiền kiêm giấy nhận nợ. Theo hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận: nguyên đơn cho bị đơn vay 50.000.000đ, lãi suất gấp đôi ngân hàng cùng thời điểm, thời hạn vay là một tháng.

Đến hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn là đúng quy định. Việc vay nợ này được bị đơn thừa nhận và đồng ý trả nguyên đơn 50.000.000đ đã vay nên án sơ thẩm xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 50.000.000đ là có căn cứ.

Khi ký hợp đồng vay tiền, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất gấp đôi lãi suất ngân hàng tại thời điểm ký hợp đồng. Tuy nhiên, thỏa thuận này không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. T hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ T hợp luật khác có liên quan quy định khác… T hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực". Trong vụ án này nguyên đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đề nghị tính lãi suất của số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay mà chỉ đề nghị tính số tiền phạt do bị đơn chậm trả theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng vay kiêm nhận nợ. Song thỏa thuận về mức phạt do chậm trả của các đương sự là quá cao không phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm tính mức phạt chậm trả do vi phạm hợp đồng là 20% là đúng và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 35.000.000đ tiền phạt và 30.000.000đ chi phí ủy quyền tham gia tố tụng tại tòa án. Hội đồng xét

xử xét thấy: Số tiền phạt do chậm trả đã được giải quyết trong bản án sơ thẩm như đã phân tích ở trên nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của nguyên đơn;

Đối với nội dung kháng cáo về chi phí ủy quyền tham gia tố tụng tại tòa án thì thấy: Thỏa thuận này của các đương sự đã được ghi trong hợp đồng vay nợ, là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, chấp nhận chi phí ủy quyền của nguyên đơn cho anh Đinh Thế Tiệp tham gia tố tụng tại tòa án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh là 30.000.000đ và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S và sửa bản án sơ thẩm.

Án phí và lệ phí tố tụng: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Đinh Văn T phải chịu 4.200.000đ chi phí giám định (xác nhận anh T đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm.

Xử: Căn cứ vào điều 147, 161, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 418, 463, 464, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc anh Đinh Văn T và chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị S: 50.000.000đ tiền vay, 20.239.000đ tiền phạt do chậm trả, 30.000.000đ chi phí ủy quyền tham gia tố tụng tại tòa án, tổng cộng là 100.239.000đ *(một trăm triệu hai trăm ba chính nghìn đồng).*

Bác yêu cầu của chị S đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và bác một phần yêu cầu đòi số tiền phạt chậm trả. Tổng cộng số tiền bị bác yêu cầu không được chấp nhận là 159.761.000đ.

2. Án phí và lệ phí tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S phải chịu 7.988.000 án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận nguyên đơn đã nộp 2.750.000đ tại biên lai số 0001498 ngày 07/01/2019 và 5.550.000đ tại biên lai số 0001692 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả nguyên đơn 312.000đ tại biên lai số 0001692 ngày 02/10/2019 và 300.000đ tại biên lai số AA/2015/0001751 ngày 17/01/20202 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Đinh Văn T và chị Đặng Thị M phải chịu 5.011.000đ án phí dân sự sơ

thẩm. Anh Đinh Văn T phải chịu 4.200.000đ chi phí giám định (xác nhận đã nộp đủ).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tuyết Mai